



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 6/2025

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Thông tư số 32/2025/TT-BTC (TT32) ngày 31/05/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Theo đó, TT 32 có một số nội dung đáng lưu ý như sau:

1.1. Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử

Kể từ ngày 01/6/2025, tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân phải ngừng sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đã thực hiện theo các quy định trước đây và chuyển sang áp dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ.

1.2. Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử

Không yêu cầu bên thứ ba nhận ủy nhiệm phải là bên có quan hệ liên kết với người bán (bên thứ ba chỉ cần là đối tượng đủ điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử và không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử). Trường hợp người bán hàng hóa là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ủy nhiệm cho tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ thì tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện thông báo với cơ quan thuế.

1.3. Bổ sung thêm ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu loại hóa đơn

Bổ sung các ký hiệu, mẫu số hóa đơn mới gồm:

- Số 7: Phản ánh hóa đơn thương mại điện tử;
- Số 8: Phản ánh hóa đơn giá trị gia tăng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí;
- Số 9: Phản ánh hóa đơn bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí;
- Chữ X: Áp dụng đối với hóa đơn thương mại điện tử.

1.4. Hướng dẫn mới về áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác

Điều 6, Thông tư 32/2025/TT-BTC đã bổ sung hướng dẫn mới về áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác như sau:

- Các trường hợp khác được áp dụng quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác được lập hóa đơn theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) bao gồm: sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thương mại, quy định tại pháp luật thuế giá trị gia tăng, dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ của sở giao dịch hàng hóa, dịch vụ thông tin tín dụng, dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (đối với khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức);
- Bổ sung hướng dẫn việc lập hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính và xử lý lập hóa đơn khi hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước thời hạn.

1.5. Hoá đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế

Bổ sung hướng dẫn hoá đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, nội dung hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế gồm 03 phần:

- ❖ Phần A dành cho doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế lập khi bán hàng hóa;
- ❖ Phần B dành cho cơ quan hải quan lập để ghi kết quả kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn;
- ❖ Phần C dành cho Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế lập.

1.6. Hoạt động kinh doanh áp dụng hoá đơn từ máy tính tiền

Khoản 3 Điều 8 Thông tư 32 hướng dẫn về trường hợp doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh thì doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền áp dụng đối với hoạt động: Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Ăn uống; nhà hàng; khách sạn; Dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam).

Doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế áp dụng cho các hoạt động kinh doanh khác.

TT 32 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/06/2025.

2. **Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 của Chính phủ quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân**

Nghị định này quy định:

1. Phạm vi trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức là nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán (bao gồm cả tổ chức trong nước và nước ngoài) và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác.
2. Cách thức các tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, quản lý nền tảng số và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ đối với các giao dịch kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của các hộ, cá nhân.
3. Hồ sơ, thủ tục khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế của các hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

Theo đó, theo quy định tại Điều 4 thì từ ngày 01/7/2025, các sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay phải thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay số thuế GTGT đối với mỗi giao dịch phát sinh doanh thu ở trong nước của hộ, cá nhân kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

Đồng thời, các sàn thương mại điện tử cũng phải khấu trừ, nộp thuế thay hộ, cá nhân cư trú, không cư trú số thuế TNCN phải nộp đối với mỗi giao dịch phát sinh doanh thu:

- Trong và ngoài nước của cá nhân cư trú;
- Trong nước của cá nhân không cư trú.

Số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập cá nhân phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu của mỗi giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

a. Tỷ lệ % tính thuế GTGT thực hiện theo quy định của Luật thuế Giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa: 1%
- Dịch vụ: 5%
- Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 3%

b. Tỷ lệ % tính thuế TNCN thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân như sau:

❖ Đối với cá nhân cư trú

- Hàng hóa: 0,5%
- Dịch vụ: 2%
- Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 1,5%

❖ Đối với cá nhân không cư trú

- Hàng hóa: 1%
- Dịch vụ: 5 %
- Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 2%

Trường hợp các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thay không xác định được giao dịch phát sinh doanh thu từ nền tảng thương mại điện tử là hàng hóa hay dịch vụ hoặc loại dịch vụ thì việc xác định số thuế phải khấu trừ thực hiện theo mức tỷ lệ % cao nhất quy định tại điểm a khoản này và theo mức tỷ lệ % cao nhất của dịch vụ quy định cho cá nhân cư trú hoặc cá nhân không cư trú quy định tại điểm b khoản này.

Doanh thu của mỗi giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân **được hưởng** mà tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thu hộ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2025.



II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn số 1850/CT-NVT ngày 18/06/2025 của Cục Thuế về kê khai khấu trừ thuế GTGT đối với dự án đầu tư mở rộng khác tỉnh

Trường hợp Công ty có trụ sở chính tại tỉnh A, có dự án đầu tư mở rộng nâng cao năng lực sản xuất của 02 Chi nhánh tại tỉnh B, **không thuộc đối tượng hoàn thuế GTGT** đối với dự án đầu tư, đồng thời, Công ty không thành lập Ban quản lý dự án, không giao cho 02 Chi nhánh quản lý dự án, các hợp đồng mua vào được ký kết và xuất hóa đơn theo tên và mã số thuế của Công ty thì Công ty thực hiện kê khai số thuế GTGT phát sinh của dự án đầu tư mở rộng tại tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh và **được bù trừ khi xác định thuế GTGT phải nộp** của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện của Công ty tại trụ sở chính.

2. Công văn số 1767/CT-CS ngày 16/06/2025 của Cục Thuế về tiền thuê đất

Tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ **chưa có quy định xử lý chuyển tiếp** đối với trường hợp người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất, miễn, giảm tiền thuê đất trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành mà nay phải truy thu số tiền thuê đất đã được miễn, giảm do sử dụng đất sai mục đích của hợp đồng thuê đất.

3. Công văn số 1829/CT-CS ngày 18/06/2025 của Cục Thuế về thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản

Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (BDS) là khoản thu nhập nhận được từ việc chuyển nhượng BDS, bao gồm thu nhập từ **chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gồm các sản phẩm nông nghiệp, ngư nghiệp** (như cây trồng, vật nuôi).

Pháp luật về thuế TNCN quy định nguyên tắc xác định giá chuyển nhượng đối với chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có công trình xây dựng trên đất là **giá ghi trên hợp đồng** chuyển nhượng tại thời điểm chuyển nhượng. Trường hợp trên hợp đồng chuyển nhượng không ghi giá hoặc giá trên hợp đồng chuyển nhượng thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm chuyển nhượng thì giá chuyển nhượng được xác định theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm chuyển nhượng.

Do đó, trường hợp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có gắn tài sản trên đất là cây trồng nhưng không ghi giá cây trồng hoặc giá cây trồng trên hợp đồng chuyển nhượng không phù hợp với giá thị trường thì Chi cục Thuế khu vực XIV căn cứ **quy định ấn định thuế** tại Điều 50 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 16/3/2019 để xác định nghĩa vụ thuế phù hợp với quy định pháp luật và thẩm quyền.



4. Công văn số 10500/CCTKV.XVI-QLDN1 ngày 11/06/2025 của Chi cục Thuế khu vực XVI hướng dẫn xuất hóa đơn kèm bảng kê chi tiết

Căn cứ điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung điểm a khoản 6 Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP, quy định như sau:

“...a.3) Số lượng hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi số lượng bằng chữ số Ả-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên. Trường hợp cung cấp các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính và chuyển phát, ngân hàng chứng khoán, bảo hiểm, được lập theo kỳ quy ước, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính được lập hóa đơn sau khi đối soát dữ liệu thì người bán được sử dụng bảng kê kèm theo hóa đơn; bảng kê được lưu giữ cùng hóa đơn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan có thẩm quyền.

....
Hóa đơn phải ghi rõ “kèm theo bảng kê số..., ngày... tháng... năm”. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê phải có tiêu thức “thuế suất thuế GTGT” và “tiền thuế GTGT”. Tổng cộng tiền thanh toán đúng với số tiền ghi trên hóa đơn GTGT. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày. Bảng kê phải ghi rõ “kèm theo hóa đơn số...ngày... tháng... năm”.

Trường hợp Công ty hoạt động kinh doanh có phát sinh lập hóa đơn cho nhiều chuyển vận tải nếu đáp ứng điều kiện theo quy định nêu trên thì Công ty được sử dụng bảng kê kèm theo hóa đơn theo quy định của pháp luật.

5. Công văn số 1686/CT-CS ngày 10/06/2025 của Cục Thuế về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất

5.1. Xác định tiền thuê đất được miễn

Tại khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (LĐĐ 2024), Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP (NĐ 103) đã quy định các trường hợp được miễn tiền thuê đất. Theo quy định tại khoản 3 Điều 157 LDD 2024 thì trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì **không phải thực hiện thủ tục xác định** giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn. Người sử dụng đất **không phải thực hiện thủ tục đề nghị** miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Vì vậy tại NĐ 103 không quy định về việc xác định, thẩm quyền quyết định miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất; đồng thời quy định cơ quan có chức năng quản lý đất đai, văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm hàng năm thống kê, tổng hợp các trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất và thông báo cho các cơ quan có liên quan để thực hiện kiểm tra, thanh tra, kiểm toán theo chức năng nhiệm vụ được giao (điểm b khoản 2 Điều 44).

Ngày 19/9/2024, Tổng cục Thuế đã có công văn số 4161/TCT-CS gửi Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tại điểm 3 công văn có nêu: “Việc xem xét miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất không thuộc trách nhiệm cơ quan thuế. **Cơ quan thuế chỉ xem xét hồ sơ và ban hành quyết định giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có).**”

5.2. Về tính tiền sử dụng đất

Đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 140 LDD 2024 thì tính tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 12 NĐ 103.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của NĐ 103 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trong đó có sửa đổi quy định tại tiêu đề khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

6. Công văn số 1687/CT-CS ngày 10/06/2025 của Cục Thuế về miễn tiền thuê đất

Theo quy định về miễn, giảm tiền thuê đất tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất **sau khi làm các thủ tục** để được miễn, giảm tiền thuê đất; trường hợp **chậm làm thủ tục** miễn, giảm tiền thuê đất thì khoảng thời gian chậm làm thủ tục **không được miễn giảm** tiền thuê đất.

Do đó, trường hợp dự án của Công ty thuộc trường hợp được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai năm 2013 nhưng đến ngày 05/3/2025 Công ty mới làm thủ tục để được miễn tiền thuê đất thì **thời gian chậm làm thủ tục (từ ngày có Quyết định thuê đất đến ngày nộp hồ sơ hợp lệ) không được miễn tiền thuê đất**; Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với thời gian này theo đúng quy định của pháp luật.

7. Công văn số 1593/CT-CS ngày 05/06/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Trường hợp Chi cục Thuế xác định giao khoán đất nông nghiệp để sản xuất nông nghiệp và doanh thu bán hàng là sản phẩm trồng trọt **chưa chế biến** thành sản phẩm khác hoặc **mới sơ chế thông thường** thì khoản thu từ bán sản phẩm trồng trọt thuộc diện **không chịu thuế GTGT**. Trường hợp giao khoán nhưng **bản chất là cho thuê đất** để sản xuất kinh doanh không thuộc diện không chịu thuế GTGT thì Chi cục Thuế thực hiện thu thuế GTGT đối với từng hoạt động phát sinh theo quy định của Luật Thuế GTGT.

8. Công văn số 1592/CT-NVT ngày 05/06/2025 của Cục Thuế về kê khai thuế GTGT

8.1. Về khai bổ sung hồ sơ khai thuế:

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế GTGT và kết quả theo hồ sơ khai bổ sung **chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế GTGT chưa khấu trừ hết** của kỳ tính thuế có sai sót thì lập hồ sơ khai bổ sung theo quy định, số tiền thuế GTGT điều chỉnh tăng hoặc giảm khấu trừ của kỳ tính thuế có sai sót khai vào chỉ tiêu [38] “Điều chỉnh tăng thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” hoặc chỉ tiêu [37] “Điều chỉnh giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai thuế GTGT của kỳ tính thuế hiện tại (kỳ còn trong thời hạn khai thuế) là đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

8.2. Về việc kiểm tra thuế

Căn cứ Điều 112 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định thủ trưởng cơ quan thuế có nhiệm vụ, quyền hạn quyết định xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền kết luận, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

9. Công văn số 1593/CT-CS ngày 05/06/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Trường hợp doanh nghiệp đóng góp tài chính vào **Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam** để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì, khoản chi này không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thì **không được tính** vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

10. Công văn số 1735/CT-CS ngày 13/06/2025 của Cục Thuế về giới thiệu nội dung mới tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân

Ngày 09/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với **hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân**. Nghị định số 117/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Cục Thuế **giới thiệu một số nội dung mới** của Nghị định số 117/2025/NĐ-CP và đề nghị các Chi cục Thuế khu vực khẩn trương triển khai tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định số 117/2025/NĐ-CP nêu trên tới công chức thuế và người nộp thuế và chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo thi hành. *(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).*

11. Công văn số 1629/CT-CĐS ngày 06/06/2025 của Cục Thuế về việc phối hợp cùng cơ quan thuế triển khai hóa đơn điện tử (HĐĐT) khởi tạo từ máy tính tiền đối với hộ kinh doanh (HKD)

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 11 tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều về quy định hóa đơn, chứng từ tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Cục Thuế trân trọng đề nghị các Quý Tổ chức (gồm tổ chức cung cấp giải pháp HĐĐT và tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu HĐĐT) tiếp tục **phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế** các cấp trong việc triển khai **áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền**, đặc biệt đối với HKD hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ hàng hóa, dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng, cụ thể như sau:

- **Chủ động công khai thông tin** về giải pháp và dịch vụ triển khai, thông tin về gói dịch vụ HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền dành cho các HKD. Nghiên cứu xây dựng các gói giải pháp, dịch vụ phần mềm kế toán, hóa đơn thuận tiện, dễ tiếp cận, sử dụng đối với từng khách hàng (người nộp thuế) với giá thành hợp lý; tiếp tục mở rộng một số chương trình ưu đãi, hỗ trợ miễn phí cho các HKD quy mô vừa và nhỏ.
- **Phối hợp cùng cơ quan thuế trong việc tuyên truyền** về những lợi ích, quy trình đăng ký và sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền; Bố trí, sắp xếp nhân sự hướng dẫn trực tuyến hoặc trực tiếp các khách hàng tại địa chỉ kinh doanh của họ để các HKD hiểu, sử dụng thành thạo xuất HĐĐT từ khởi tạo từ máy tính tiền, tập trung cao điểm trong thời gian tháng 6/2025 và 7/2025.
- **Tăng cường chia sẻ thông tin, phối hợp kỹ thuật** với các bên liên quan, bảo đảm khả năng tích hợp đồng bộ giữa các hệ thống phần mềm và hệ thống quản lý dữ liệu của cơ quan Thuế.
- **Thiết lập kênh hỗ trợ kỹ thuật** phản ứng nhanh, chuyên trách, có khả năng tiếp nhận, xử lý kịp thời ngay các sự cố kỹ thuật phát sinh trong quá trình sử dụng giải pháp HĐĐT của các HKD.
- Nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo đảm công bằng và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật về thuế, kính đề nghị Quý tổ chức phối hợp, hỗ trợ người nộp thuế **thực hiện đúng quy định khi cài đặt, cấu hình, hướng dẫn sử dụng các phần mềm**, ứng dụng tránh làm sai lệch thông tin doanh thu và các hành vi không phù hợp với quy định của pháp luật về thuế.
- Trong quá trình triển khai, các Quý tổ chức gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị **liên hệ với Tổ chức cung cấp** nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu HĐĐT mà Quý tổ chức đang kết nối hoặc **phản ánh về Cục Thuế** để được hỗ trợ kịp thời. Đầu mối hỗ trợ tại Cục Thuế là Nhóm hỗ trợ HĐĐT, địa chỉ email: nhomhotrohddt@gdt.gov.vn, số điện thoại: 024.7305.5999.

Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Mặc dù đã cố gắng cung cấp thông tin một cách chính xác và cụ thể nhất, việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



Nguyễn Hải Nam

Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc

0916 020 113

nam.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trọng Hiếu

Cố vấn chiến lược

0914 015 678

hieu.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc

0917 705 379

dung.nguyen@ecovis.com.vn



Phạm Quang Trung

Phó Chủ tịch HĐQT

0935 58 3456

trung.pham@ecovis.com.vn



Lê Huy Đông

Giám đốc Tư vấn - Đào tạo

0944 322 988

dong.le@ecovis.com.vn



Nguyễn Thị Hiền Giang

Phó phòng Tư vấn – Đào tạo

0933 224 968

giang.nguyen@ecovis.com.vn

